SAO Y; Hội đồng nhân dân; Thời gian ký: 2026-11-10T17:12:01+07:00

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 60/2026/NQ-HĐND | *Đồng Tháp, ngày 03 tháng 11 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định một số nội dung và mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 1635/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 230/BC-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi hoạt động của Ban Chấp hành đảng bộ xã, phường (sau đây gọi là đảng ủy xã, phường); Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đảng ủy xã, phường;

b) Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường;

c) Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường.

**Điều 2. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường ban hành (không bao gồm văn bản do Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ)**

1. Chi xây dựng văn bản

Văn bản trình đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường không phải là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

a) Văn bản do đảng ủy xã, phường quyết định ban hành (ban hành mới hoặc văn bản thay thế)

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp có xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không xây dựng đề án, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường quyết định ban hành (ban hành mới hoặc văn bản thay thế)

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp có xây dựng đề án, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không xây dựng đề án, mức chi tối đa 9.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 9.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối đa bằng 60% mức chi được quy định tại các điểm a, b khoản này.

d) Mức chi quy định tại các điểm a, b, c khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: dự thảo đề án (trường hợp xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm:

dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy định tại điểm này: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Mức chi văn bản trình đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp có xây dựng đề án, mức chi tối đa 4.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không xây dựng đề án, mức chi tối đa 3.600.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 3.600.000 đồng/văn bản.

b) Mức chi văn bản trình Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp có xây dựng đề án, mức chi tối đa 3.600.000 đồng/văn bản; trường hợp không xây dựng đề án, mức chi tối đa 3.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 3.000.000 đồng/văn bản.

c) Mức chi đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

d) Mức chi quy định tại các điểm a, b, c khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

đ) Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan

mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

**Điều 3. Chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường**

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 9.000.000 đồng/văn bản.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương: mức chi tối đa 4.500.000 đồng/văn bản.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy xã, phường; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 2.700.000 đồng/văn bản.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 2.100.000 đồng/văn bản.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy xã, phường, Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường: mức chi tối đa 1.500.000 đồng/văn bản.

**Điều 4. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ đảng ủy xã, phường**

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý: mức chi tối đa 9.000.000 đồng/đoàn (tổ);

b) Đoàn giải quyết tố cáo: mức chi tối đa 6.000.000 đồng/đoàn (tổ);

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng: mức chi tối đa 4.800.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình gồm: quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng;

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải

quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng;

c) Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

**Điều 5. Chi trang phục**

Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng đối với Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ do ngân sách nhà nước bảo đảm. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2026./.*

***Nơi nhận:***
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P. CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**Ngô Chí Cường**